



QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nguyễn Thị Kiều Sương*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Nghiên cứu này làm rõ sự hình thành và phát triển của quá trình nhận thức về quản lý phát triển xã hội từ thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng cộng sản Việt Nam. Với mục tiêu đó, bước đầu tác giả đã đưa ra định nghĩa về *quản lý phát triển xã hội*, những nhiệm vụ cơ bản mà quản lý phát triển xã hội hướng vào như: phát triển hài hòa cơ cấu xã hội; định hướng, kiểm soát các biến đổi xã hội; thực hiện các đảm bảo xã hội; thực thi chính sách xã hội phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực, địa bàn; và nhiệm vụ cuối cùng là xử lý các vấn đề xã hội nảy sinh, bảo đảm sự đồng thuận xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.

Từ khóa: Đảng Cộng sản, xã hội, quản lý, phát triển

I. Đặt vấn đề

Ngày nay vấn đề quản lý phát triển xã hội chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của mọi quốc gia, là chủ đề thu hút đông đảo các nhà khoa học nghiên cứu và luận giải từ nhiều góc độ khác nhau như: triết học, xã hội học, chính trị học, văn hóa học, kinh tế học, v.v... Bên cạnh đó, quản lý phát triển xã hội còn là vấn đề có tính thời sự cấp bách, luôn thu hút đông đảo giới truyền thông và xã hội quan tâm theo dõi. Thậm chí, đây là chủ đề trọng tâm trong các chương trình nghị sự, trở thành đường lối tranh cử của các đảng phái chính trị, các ứng cử viên của các nguyên thủ quốc gia. Tuy nhiên, ở Việt Nam, vấn đề quản lý phát triển xã hội là gì, bao gồm những nội dung nào vẫn còn nhiều cách tiếp cận và luận giải khác nhau. Để đưa ra được định nghĩa rõ ràng, đầy đủ với những nội dung cụ thể, tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức, trước hết cần làm rõ nội hàm của khái niệm, bước đầu cần khu biệt hóa nội hàm và làm rõ quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội trong thời kỳ đổi mới.

*Liên hệ: ngkieusuong@gmail.com

Nhận bài: 31-07-2020; Hoàn thành phản biện: 14-8-2020; Ngày nhận đăng: 03-9-2020

II. Nội dung

Xuyên suốt trong thời kỳ đổi mới, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) với 7 kỳ Đại hội và hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới Đảng Cộng sản Việt Nam mới đề cập trực tiếp đến khái niệm quản lý phát triển xã hội trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016)*. Tuy nhiên, quản lý phát triển xã hội là gì thì Đảng Cộng sản Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa cụ thể. Vì vậy, việc xác định được nội hàm của khái niệm cũng như những nội dung cơ bản của nó là rất cần thiết.

Khái niệm quản lý phát triển xã hội là từ ghép của 2 cụm từ “quản lý” và “phát triển xã hội”. *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: Quản lý là “tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định” [14, tr. 958]. Theo Henry Fayol (1841 – 1925), quản lý “là một tiến trình bao gồm tất cả các khâu lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các nỗ lực của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả các nguồn lực khác của tổ chức nhằm đạt mục tiêu đã định trước” [11, tr. 8].

Khái niệm phát triển xã hội được hiểu là “sự tăng trưởng xã hội nhưng cấu trúc các yếu tố xã hội đã được điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng nhằm làm cho các đặc trưng xã hội được khẳng định thêm” [16, tr. 15]. Ở một khía cạnh khác, khái niệm phát triển xã hội được hiểu là “sự biến đổi về chất, là sự phát triển toàn diện của xã hội nói chung, là sự vận động biến đổi của xã hội từ hình thái này sang hình thái khác cao hơn, tiến bộ hơn và hoàn thiện hơn” [15, tr. 17].

Từ sự phân tích trên, chúng ta có thể đi đến định nghĩa về phát triển xã hội như sau: “Quản lý phát triển xã hội là sự tác động có định hướng, có tổ chức của chủ thể quản lý đến các khách thể (con người, cộng đồng, các quan hệ xã hội, hoạt động xã hội,...) nhằm mục tiêu phát triển xã hội bền vững” [13, tr. 260].

Nếu hiểu khái niệm quản lý phát triển xã hội như trên thì chúng ta thấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) Đảng Cộng sản Việt Nam đã gián tiếp bàn đến quản lý phát triển xã hội và trực tiếp đề cập đến nội hàm và các lĩnh vực cụ thể của nó. Khi đánh giá về những khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước về cơ chế quản lý kinh tế và những bài học để tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong sự phát triển của đất nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đã chỉ rõ nguyên nhân chính là do: “Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén, là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ” [4, tr. 24]. Như vậy, khái niệm quản lý đã được đề cập trực tiếp với chủ thể là nhà nước quản lý và khách thể của phát triển xã hội được hiểu là khách thể của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bao gồm cơ chế, bộ máy, con người hướng tới các giá trị kinh tế, văn

hóa, tự do, dân chủ và công bằng). Từ nhận thức đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI nhấn mạnh đến việc nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với lĩnh vực “quản lý hành chính – kinh tế với quản lý sản xuất – kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động kinh tế, xã hội; giữ vững pháp luật, kỷ cương và trật tự, an toàn xã hội” [4, tr. 226]. Những luận giải này thực chất là bàn đến nội dung cụ thể của quản lý phát triển xã hội.

Kế thừa cơ sở lý luận mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đặt ra, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) đã có bước phát triển thêm về mặt lý luận, xác định rõ hơn nội hàm, góp phần tiến đến việc hoàn thiện lý luận với việc xác định được nội hàm cụ thể của khái niệm quản lý phát triển xã hội. Đại hội khẳng định: “Nhà nước được nhân dân trao cho quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý mọi mặt đời sống xã hội” [5, tr. 124]. Trên cơ sở đó, nhiệm vụ đặt ra của phát triển xã hội là: “phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân” [5, tr. 73]. Như vậy, từ nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đặt ra là hướng đến mục tiêu cụ thể của phát triển xã hội, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) xác định: “Dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa” [5, tr. 153]. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), cho dù thực hiện đường lối đổi mới đất nước đã được 10 năm, tuy nhiên, chúng ta thấy Đảng ta vẫn chưa có bước phát triển mới về mặt lý luận trong nhận thức về lý luận quản lý phát triển xã hội tại Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII (1996).

Nhìn chung, xuyên suốt 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) khái niệm quản lý phát triển xã hội gắn liền với vai trò của nhà nước, thậm chí trong một chừng mực nào đó “quản lý xã hội”, “quản lý nhà nước” lại thống nhất về mặt nội hàm là dùng *quyền lực công* (quyền lực nhà nước) để thực hiện các biện pháp quản lý xã hội.

Kế thừa những thành tựu lý luận đã đạt được qua các kỳ đại hội, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, XIX, X, cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) đã có bước phát triển hoàn chỉnh về mặt lý luận, nhất là xác định rõ hơn, đầy đủ hơn về nội hàm, đề cập trực tiếp đến khái niệm quản lý phát triển xã hội. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) chỉ rõ: “Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội, v.v... *Mặc dầu vậy*, quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả” [10, tr. 1332 – 133]. Như vậy, khái niệm *quản lý phát triển xã hội* đã được khu biệt hóa về chủ thể quản lý và khách thể quản lý; về chủ thể quản lý là Nhà nước với nội hàm cụ thể là “xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chính

sách” và nội hàm của chủ đề, nội dung phát triển xã hội là “chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo; sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền...”. Nếu nhìn mục tiêu tổng quát (hệ mục tiêu) của sự nghiệp đổi mới *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh* thì các nội dung của phát triển xã hội chính là các nhiệm vụ cụ thể và quản lý phát triển xã hội là hướng tới đạt được *hệ mục tiêu* mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra, giữ vững được *định hướng* xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội từng bước được hoàn thiện trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới (thực tiễn hơn 30 năm đổi mới cho thấy), thực chất là giải quyết về mối quan hệ biện chứng giữa hệ *mục tiêu*, tính *định hướng*, cùng với *vai trò quản lý của nhà nước*. Giải quyết mối quan hệ này sẽ làm nổi bật giá trị lý luận về quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, mục tiêu đặt ra đối với quản lý phát triển xã hội trong thực hiện Nghị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) là xác định rõ định hướng và những nhiệm vụ mang tính tổng thể, đồng bộ, liên vùng, liên ngành, liên lĩnh vực, thống nhất theo địa giới hành chính, lĩnh vực quản lý; xây dựng hệ thống chính sách pháp luật đồng bộ; thể chế hóa và quản lý thống nhất ở cấp vĩ mô về phát triển xã hội bền vững; xây dựng đồng bộ, nhất quán hệ thống văn bản pháp lý về phát triển từng ngành, địa phương; chú ý đúng mức đến việc xây dựng kế hoạch phát triển của từng lĩnh vực, địa phương, phát triển bền vững của vùng, liên vùng và quốc gia.

Như vậy, qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã đạt được những bước tiến mới về mặt lý luận của quản lý phát triển xã hội, không chỉ xây dựng được hệ thống lý luận hoàn chỉnh mà còn đạt được những thành tựu quan trọng của thực tiễn quản lý phát triển xã hội đưa lại. Về phương diện lý luận, xác định rõ nội hàm của khái niệm cùng với các nội dung cụ thể, các lĩnh vực cụ thể để từ đó đặt ra mục tiêu, phương hướng và giải pháp để thực hiện quản lý phát triển xã hội bền vững trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện thành công *hệ mục tiêu* mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng đã xác định, nhiệm vụ cốt lõi của quản lý phát triển xã hội là các nội dung sau:

Thứ nhất, quản lý phát triển hài hòa cơ cấu xã hội

Phát triển hài hòa cơ cấu xã hội bao gồm các yếu tố như: giai cấp, dân số, dân cư, dân tộc, tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp là một trong những nội dung quan trọng của mục tiêu quản lý phát triển xã hội mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đặt ra. Bởi vì các yếu tố này là vấn đề có tính quyết định đến các lĩnh vực của tồn tại xã hội, tạo nên trụ cột cho sự phát triển bền vững xã hội.

Cùng với biến đổi cơ cấu xã hội, bao hàm cơ cấu các giai tầng xã hội, cơ cấu dân số, dân cư, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp cũng có sự thay đổi to lớn. Trong thời kỳ đổi mới, cơ chế quản lý cũ được dỡ bỏ cùng với việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành

phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội mới bộc lộ rõ ràng và ngày càng trở nên đa dạng. Trong gần 30 năm đổi mới, xã hội Việt Nam đã chuyển biến từ một xã hội mà cơ cấu xã hội chưa thực sự rõ nét thành một xã hội có kết cấu rõ ràng, chuyển đổi từ một xã hội mà các bộ phận giai cấp, dân số, dân cư, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, v.v... ít có sự phân hóa sang một xã hội có sự phân hóa sâu sắc. Vấn đề đặt ra là phải có chính sách, cơ chế phù hợp để xây dựng, phát triển cơ cấu xã hội làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong chặng đường sắp tới về mức sống, địa vị kinh tế, hưởng thụ văn hóa, quyền lực chính trị và uy tín xã hội. Đó là mục tiêu và nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã đặt ra.

Thứ hai, định hướng, kiểm soát các biến đổi xã hội

Các biến đổi xã hội bao gồm phân tầng xã hội, di động xã hội. Những yếu tố này có tầm quan trọng chiến lược, bởi nó làm thay đổi nhận thức từ chủ thể lãnh đạo, quản lý, có thẩm quyền ra các quyết sách, đường lối và chính sách. Chú trọng tới lợi ích và nhu cầu trong đời sống của con người là chú trọng tới nhân tố quan trọng hàng đầu của lực lượng sản xuất và của phát triển xã hội nói chung. Biến đổi xã hội còn có ý nghĩa sâu xa và to lớn hơn nữa, ở chỗ, mọi chính sách phải hướng tới phục vụ lợi ích và phát triển các tiềm năng sáng tạo của con người, coi con người là mục tiêu và động lực của đổi mới và phát triển; do đó, con người trở thành tiêu điểm của mọi chính sách. Đây là định hướng nhân văn của phát triển bền vững xã hội. Vì vậy, quản lý phát triển xã hội cần chú trọng đến việc định hướng và kiểm soát được các biến đổi xã hội, kiểm soát được sự phân tầng xã hội trong khuôn khổ để đảm bảo sự thay đổi về *lượng trong khuôn khổ của độ*, kiểm soát được sao cho không chuyển đổi về *chất* của việc phân tầng, đặc biệt là yếu tố di cư lao động xã hội.

Thứ ba, thực hiện các bảo đảm xã hội

Bảo đảm xã hội bao gồm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, hòa nhập và tái hòa nhập xã hội. Đối với *chính sách an sinh xã hội*, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đặt ra quyết tâm hướng tới thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội cho nhân dân, trước hết là “hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống” [10, tr. 137]. Thực hiện tốt vai trò quản lý xã hội để phát huy giá trị của an sinh xã hội đúng nghĩa bằng cách “chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân. Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường đa chiều nhằm đảo bảo an sinh xã hội cơ bản và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tổ chức tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thiết yếu” [10, tr. 137].

Đối với *phúc lợi xã hội*, Đảng ta hướng tới là nâng cao phúc lợi xã hội, đảm bảo tốt hơn công bằng và bình đẳng xã hội, coi đó là một động lực quan trọng của sự phát triển bền vững. Đẩy mạnh hệ thống các dịch vụ xã hội, nhất là các dịch vụ xã hội cơ bản – thiết yếu cho mọi người, cùng với việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng về giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, môi trường, giao thông,... trong đó có những chính sách ưu đãi hợp lý cho những vùng nghèo, vùng khó khăn, nhóm yếu thế, người nghèo sẽ là định hướng quan trọng trong phát triển hệ thống phúc lợi xã hội trong giai đoạn mới.

Thứ tư, thực thi chính sách xã hội phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực, địa bàn nhằm hài hòa quan hệ xã hội, quan hệ lợi ích

Qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội; coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Mục tiêu chính sách xã hội là nhằm xây dựng và phát triển con người, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho con người, góp phần lành mạnh hóa xã hội và phát triển đất nước bền vững. Với nhận thức đó, trong những năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước ta không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lĩnh vực xã hội; nguồn lực đầu tư được tăng cường và đa dạng hóa; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách xã hội, chăm lo cho con người, tạo động lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Quản lý tốt chính sách xã hội đã làm cho các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán về chính sách giảm nghèo bền vững đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp; việc quan tâm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ; chính sách ưu đãi người có công được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và ngày càng mở rộng đối tượng, mức thụ hưởng với chế độ ưu đãi toàn diện hơn; từng bước bảo đảm cung ứng với chất lượng ngày càng cao hơn một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân.* Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đối với người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo. Nhìn chung, người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình trên địa bàn nơi cư trú” [10, tr. 238].

Phát huy tốt vai trò quản lý nhà nước đối với thực hiện chính sách xã hội sẽ đạt được những thành tựu về chính sách xã hội trong thời gian qua thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Điều đó góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là những người có công, gia đình chính sách. Đồng thời, phản ánh truyền thống nhân văn của dân tộc và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa luôn lấy con người làm trung tâm, vì sự phát triển tự do và toàn diện của con người, phù hợp với điều kiện của đất nước ta trong thời kỳ đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu đó là tiền đề rất quan

trọng để tạo sự đồng thuận trong xã hội, đưa nước ta ngày càng phát triển, tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường chủ nghĩa xã hội; khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ những luận giải trên đã cho thấy, quản lý phát triển xã hội là một vấn đề quan trọng, đòi hỏi quá trình quản lý vừa khoa học vừa nghệ thuật, vì vậy xây dựng lý luận về quản lý phát triển xã hội đòi hỏi phải đảm bảo tính khoa học, tính nhân văn, tính chủ thể cao; trong đó, Nhà nước là chủ thể quan trọng mang tính quyết định, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp là nòng cốt và nhân dân là chủ thể quyết định. Nhà nước có nhiệm vụ xây dựng thể chế, thiết chế quản lý xã hội một cách khoa học; các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp làm nòng cốt vận động, hướng dẫn, tạo điều kiện để phát huy quyền làm chủ, quyền tự quản xã hội của nhân dân.

III. Kết luận

Quản lý phát triển xã hội trở thành chủ đề quan trọng được bàn đến một cách gián tiếp trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới và trực tiếp trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng. Trong *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, nội dung của quản lý phát triển xã hội được đặt ở một mục lớn. Ở mục VIII, khi bàn về nội dung của quản lý phát triển xã hội, Nghị quyết Đại hội nêu rõ: “Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội... Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, bảo đảm sự hài hòa cả trong phát triển, hưởng thụ; bảo đảm cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề hợp lý” [10, tr. 134 – 135]. Như vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) đã hoàn thiện lý luận về quản lý phát triển xã hội với việc hệ thống hóa nội dung, bản chất, đặc trưng và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu cụ thể của nó. Đây là cơ sở lý luận vững chắc cho sự phát triển bền vững xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên) (2014), *Quản lý học đại cương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đặng, Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Minh Tân – Thanh Nghi – Xuân Lâm (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Thanh Hóa.
7. Đỗ Hoàng Toàn – Phan Kim Chiến – Đỗ Thị Hải Hà (2006), *Giáo trình Quản lý xã hội*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

THE VIETNAM COMMUNIST PARTY'S AWARENESS OF ON SOCIAL MANAGEMENT IN THE INNOVATIVE PERIOD

Nguyen Thi Kieu Suong*

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstracts. This study aims to clarify the formation and development of the Communist Party's awareness process of social development management from the reality of more than 30 years of national renewal under the socialist orientation. With that goal, the author initially defined social development management. The basic tasks that social development management is directed to are: Harmonizing development of a social structure; Orientation and control of social changes; Realizing social guarantees; Implementation of social policies appropriate to each object, each field and area; and the ultimate task is dealing with arising social issues, ensuring social consensus, social security and human security.

Keywords: communist party, social, management, development